

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 22/10/2018

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quế Anh

2. Ông Hoàng Nguyễn Hoài T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

Trong ngày 22/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 319/2018/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kiều D, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Ngô Thị Kiều D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Hải tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2008. Trước khi sống chung hai bên có tìm hiểu nhau khoảng hai năm. Sau đó vợ chồng sống tự lập tại Tổ 7, ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau, ông Hải có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà D xin ly hôn với ông Hải.

Về con chung: Có hai người con chung, con tên Nguyễn Huy H – sinh ngày: 31/5/2009, con tên Nguyễn Thanh N – sinh ngày: 04/7/2016. Khi ly hôn, bà D xin được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng, hiện nay bà D không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà D và ông Hải tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D và ông Hải không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hải và bà D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2008. Trước khi sống chung hai bên có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau đó vợ chồng sống tự lập tại Tổ 7, ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian hôn nhân thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay ông Hải đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Thống nhất như bà D trình bày. Có 02 con chung, con tên Nguyễn Huy H – sinh ngày: 31/5/2009, con tên Nguyễn Thanh N – sinh ngày: 04/7/2016. Khi ly hôn, ông Hải không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông Hải đồng ý để lại tài sản cho hai con.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Xét ông Hải có hộ khẩu tại xã Ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Hải tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 25/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Hải là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà D và ông Hải phát sinh từ tháng 12/2017, theo bà D thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau, ông Hải có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông Hải thống nhất giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian sống chung do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông Hải đồng ý ly hôn với bà D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng ông Hải có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà D cũng xác định không còn tình cảm với ông Hải và cương quyết xin ly hôn. Như vậy từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay bà D và ông Hải vẫn không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông Hải không có khả năng hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và

khảo 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D và ông Hải có hai con chung, con tên Nguyễn Huy H – sinh ngày: 31/5/2009, con tên Nguyễn Thanh N – sinh ngày: 04/7/2016. Xét thấy bà D hiện đang nuôi hai người con, cháu Hoàng có nguyện vọng sống chung với mẹ, còn cháu Ngọc vẫn còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của bà D nên giao cho bà D nuôi dưỡng hai con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D và ông Hải tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà D chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị Kiều D;

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Kiều D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà D nuôi con tên Nguyễn Huy H – sinh ngày: 31/5/2009 và con tên Nguyễn Thanh N – sinh ngày: 04/7/2016.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà D và ông Hải tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét

2. Về án phí: Bà D chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006062 ngày 07/8/2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài N

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... ..giờ.....phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh Tâm - sinh năm: 1977

2. Bị đơn: Ông Trần Hưng Đoàn - sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Số 43, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh Tâm được ly hôn với ông Trần Hưng Đoàn. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Hưng Đăng Khoa - sinh ngày 27/9/2007 cho bà Tâm nuôi. Bà Tâm không yêu cầu ông Đoàn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

4. Về tài sản chung: Bà Tâm và ông Đoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

5. Về nợ: Không có. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

6. Về án phí: Bà Tâm chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0014752 ngày 12/7/2017. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Ngân

Nguyễn Thị Hương

Lê Thị Kiều Chinh